

Công bố quốc tế trong khoa học xã hội và nhân văn: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

GS.TS Nguyễn Quang Thuấn

Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Công bố quốc tế có vai trò quan trọng trong đóng góp tri thức và khẳng định năng lực, chất lượng nghiên cứu của các nhà khoa học, các cơ quan nghiên cứu và quốc gia. Ở Việt Nam trong một vài năm gần đây, mặc dù số lượng và chất lượng các công trình công bố quốc tế đã tăng lên đáng kể, nhưng công bố quốc tế trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) vẫn thấp hơn so với lĩnh vực khoa học tự nhiên (KHTN). Bài viết phân tích, đánh giá tình hình công bố quốc tế trong lĩnh vực KHXH&NV; từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy công bố quốc tế trong lĩnh vực này ở Việt Nam thời gian tới.

Thực trạng

Các nhà nghiên cứu Việt Nam thực hiện tương đối tốt việc công bố trong nước qua hệ thống các tạp chí chuyên ngành và nhà xuất bản. Lịch sử ngành KHXH&NV cho thấy có rất nhiều công trình khoa học tầm cỡ, có giá trị lý luận và thực tiễn lớn nhưng chưa xuất bản quốc tế. Trong hơn 3/4 thế kỷ XX, Việt Nam tập trung toàn bộ lực lượng và tinh hoa cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, các công trình nghiên cứu giai đoạn này tập trung chủ yếu cho sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Sau khi thống nhất đất nước (1975) đến trước Đổi mới (1986), xã hội Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn khi bị bao vây, cấm vận của Mỹ. Ở thời kỳ này, KHXH&NV và hợp tác quốc tế gặp khó khăn, nên công bố quốc tế lại càng hạn chế. Các nhà khoa học Việt Nam chủ yếu được đào tạo trong nước hoặc ở Liên Xô và Đông Âu, với mô hình phát triển kinh tế, xã hội cũng như khoa học xã hội đặc thù, mang tính khép kín trong khối Hội đồng Tương trợ kinh tế,

hạn chế rất lớn sự hội nhập của KHXH&NV với khu vực và thế giới.

Từ sau Đổi mới, Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng về mọi mặt, trong đó có khoa học và công nghệ, là điều kiện quan trọng để các nhà khoa học Việt Nam nghiên cứu và công bố quốc tế các công trình của mình. Theo thống kê của Web of Science thì giai đoạn 2011-2016 Việt Nam có tổng số hơn 15 nghìn công bố thuộc danh mục ISI, tỷ lệ tăng trưởng trung bình đạt 17% mỗi năm. Khoảng thời gian này, số công bố quốc tế của Việt Nam tăng gần 3 lần, từ 1.461 (2011) lên 3.814 (2016). Tuy nhiên, con số này vẫn còn thấp xa so với nhiều quốc gia trong khu vực (bằng khoảng 40% Thái Lan và 25% Singapore, tính trong năm 2016) [1, 2]. Mức độ hội nhập quốc tế và công bố quốc tế của ngành KHXH&NV còn khoảng cách khá xa so với mức độ hội nhập chung của đất nước. Điều đáng lưu ý là, số lượng công trình công bố quốc tế trong một vài năm gần đây tăng khá rõ, nhưng công bố quốc tế trong lĩnh vực KHXH&NV thấp hơn

khá nhiều so với lĩnh vực KHTN.

Tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, công bố quốc tế bao gồm các sách, chương sách xuất bản ở nước ngoài, các bài hội thảo quốc tế in kỷ yếu ở nước ngoài, và các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế. Tín hiệu đáng mừng là số lượng công bố quốc tế tăng dần, nhất là từ năm 2016 đến nay, tập trung chủ yếu ở các nhóm ngành kinh tế, luật, triết học, gia đình và giới, văn hóa, tâm lý học, xã hội học, hán nôm, các nghiên cứu về vùng. Năm 2017, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có 171 công trình công bố quốc tế, và theo thống kê chưa đầy đủ, năm 2018 là 394 công trình, trong đó có 18 sách xuất bản quốc tế, 61 bài tạp chí/chương sách quốc tế, còn lại là các báo cáo trình bày tại các hội thảo, hội nghị quốc tế đã và chuẩn bị in kỷ yếu. Kết quả này cho thấy sự nỗ lực lớn của các nhà nghiên cứu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam trong việc công bố quốc tế so với các năm trước. Tuy nhiên, các công trình công bố trong danh mục ISI, Scopus còn khá thấp

và một số nhóm ngành vẫn tiếp tục gặp khó khăn trong việc có công trình công bố quốc tế.

Một số thuận lợi, khó khăn

Điểm thuận lợi trong công bố quốc tế của các nhà nghiên cứu KHXH&NV ở Việt Nam là chúng ta có nhiều đặc sắc về lịch sử, mô hình phát triển kinh tế, đa dạng dân tộc, đa dạng văn hóa, quá trình chuyển đổi và biến đổi từ truyền thống sang hiện đại theo hình thức hiện đại hóa rút ngắn của Việt Nam. Xã hội Việt Nam hiện nay, cùng với những đặc điểm của xã hội truyền thống, có những đặc điểm của xã hội hiện đại và cả hậu hiện đại, tạo nên một trường hợp nghiên cứu thú vị cho các nhà nghiên cứu thực hiện các ý tưởng nghiên cứu của mình, và chia sẻ với cộng đồng quốc tế về cả phương diện lý luận và thực tiễn. Trong quá trình toàn cầu hóa, những nét đặc thù riêng của xã hội Việt Nam là điểm thu hút sự quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu của cộng đồng khoa học cũng như các nhà chính trị, quản lý xã hội.

Xu hướng liên ngành, nghiên cứu so sánh giữa các xã hội, các khu vực, các nền văn hóa nhằm phân tích những nét đặc thù và đa dạng, học hỏi mô hình phát triển của nhau cũng là điều kiện thuận lợi cho các nhà nghiên cứu. Ví dụ, các xã hội đang chuyển đổi như Việt Nam cần những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, quản lý xã hội, gia đình, an sinh xã hội của những nước đi trước; hay các xã hội đã phát triển cũng đang dần nhận ra những hệ quả không mong muốn của hiện đại hóa, tự động hóa, chủ nghĩa cá nhân đến quan hệ gia đình, cộng đồng, sự bền vững dân số và mong muốn học hỏi những giá trị truyền thống tốt đẹp đang được gìn giữ ở Việt Nam. Đây là điều kiện thuận lợi để các nhà nghiên cứu Việt Nam hợp tác nghiên cứu và xuất bản.

Ngành KHXH&NV đang có bước chuyển thể hệ khá rõ, theo đó, số lượng các nhà nghiên cứu trẻ được đào tạo bài bản trong và ngoài nước tăng lên, tiếp cận và làm chủ được ngoại ngữ, các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu hiện đại, có nhiều điều kiện thuận lợi hơn các thể hệ nghiên cứu đi trước trong công bố quốc tế.

Về thể chế, công bố quốc tế đang dần trở thành một yêu cầu bắt buộc đối với đầu vào và đầu ra của nhiều loại đề tài, chẳng hạn như các đề tài do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tài trợ, hay yêu cầu bài báo quốc tế đối với đầu ra của nghiên cứu sinh, bài báo quốc tế thứ hạng cao đối với các giáo sư/phó giáo sư... Những yêu cầu này tạo ra nhu cầu và sức ép về công bố quốc tế cho các nhà nghiên cứu, và về lâu dài có thể tạo ra quá trình sàng lọc tất yếu lực lượng nghiên cứu theo tiêu chuẩn mới.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, thì việc công bố quốc tế trong lĩnh vực KHXH&NV ở Việt Nam cũng có những khó khăn. Trở ngại lớn nhất được cho là khả năng sử dụng ngoại ngữ chưa đủ tốt của nhiều nhà nghiên cứu để viết bài trực tiếp, nên cũng khó thẩm định được chất lượng của bản dịch công trình trước khi gửi đi. Ngoại ngữ chưa tốt cũng dẫn đến việc hạn chế tiếp cận các nghiên cứu mới, cập nhật các xu hướng nghiên cứu trên thế giới để có tổng quan nghiên cứu thuyết phục, có cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu phù hợp chuẩn quốc tế.

Nhiều chủ đề nghiên cứu ở Việt Nam có tính đặc thù cao, một số vấn đề xã hội Việt Nam đang trải qua không còn là chủ đề ưu tiên của nhiều tạp chí quốc tế, nên cũng hạn chế khả năng xuất bản các nghiên cứu KHXH&NV ở nước ngoài nếu không tìm hiểu và lựa

chọn đúng tạp chí hay nhà xuất bản.

Khó khăn tiếp theo là nhận thức còn chưa thực sự nghiêm túc của nhiều nhà khoa học xã hội về sự cần thiết phải có công bố quốc tế, có thể bắt nguồn từ chiều dài lịch sử của ngành trong bối cảnh đất nước có chiến tranh; chính sách đóng cửa, bị bao vây cấm vận; thể giới quan hội nhập vì thế có thể bị giới hạn. Ngoài ra, với nhiều hệ đề tài và cách đánh giá vị trí việc làm hiện nay, công bố quốc tế chưa phải là yêu cầu bắt buộc nên cũng làm giảm áp lực phải công bố của các nhà nghiên cứu ra môi trường học thuật nước ngoài.

Đề xuất giải pháp

Để có thể nâng cao số lượng cũng như chất lượng các công bố quốc tế trong lĩnh vực KHXH&NV thời gian tới, trước hết cần có sự chuyển đổi nhận thức mạnh mẽ của cộng đồng nghiên cứu, các cấp quản lý về tầm quan trọng của công bố quốc tế.

Tính tự chủ trong nghiên cứu KHXH&NV cần được phát huy bằng cách xây dựng, nâng cấp một số tạp chí chuyên ngành có chất lượng chuyên môn tại Việt Nam (đặc biệt là các tạp chí bằng tiếng nước ngoài) để theo lộ trình được công nhận thuộc danh mục tạp chí uy tín được xếp hạng.

Để thực hiện mục tiêu này, các tạp chí cần áp dụng chế độ phản biện bài (peer review) một cách nghiêm túc, xây dựng hệ thống chuyên gia phản biện kín chuyên nghiệp và có chất lượng chuyên môn. Đây là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng tạp chí và là tiêu chuẩn bắt buộc trong đánh giá tạp chí chuẩn quốc tế. Đồng thời, nâng cao vai trò và chất lượng của hội đồng biên tập tạp chí. Chẳng hạn, các tạp chí có thể xây dựng hội đồng biên tập quốc tế bằng

cách mời các nhà khoa học quốc tế uy tín, đặc biệt là thành viên hội đồng biên tập của các tạp chí trong danh mục Scopus và ISI tham gia hội đồng biên tập, nhằm giúp xây dựng chiến lược, mục tiêu, bản sắc chuyên môn, tiêu chuẩn và quy trình cho tạp chí, không đơn thuần là sử dụng tên tuổi để quảng bá. Các tạp chí cần sử dụng nhiều hơn các nhà nghiên cứu trẻ có nhiều công bố quốc tế, giỏi ngoại ngữ, có năng lực chuyên môn, và thực sự có khát vọng cống hiến vào các hội đồng biên tập, nhằm xây dựng một thể hệ kế cận với những thay đổi về chất trong việc nâng cấp bài tạp chí theo chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, nên chọn lựa tổng biên tập có trình độ chuyên môn, uy tín học thuật, sự năng động và quyết đoán, khả năng ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng kết nối khoa học trong và ngoài nước.

Tiếp cận được với mạng lưới người đọc trong và ngoài nước cũng là một biện pháp hiệu quả để tạp chí được biết đến và ghi nhận. Vì thế, các tạp chí cần tăng cường công bố bản điện tử để mở rộng khả năng tiếp cận mạng lưới độc giả, nhất là ở thời đại kỹ thuật số như hiện nay. Đồng thời, cần đăng ký sách trích dẫn (index) với các website tra cứu khoa học có uy tín như Google Scholar, Advanced Sciences Index, Scientific Indexing Services, JSTOR... Các website này được học giả toàn cầu sử dụng để tra cứu nguồn tài liệu nghiên cứu nên giúp kết nối với cộng đồng khoa học quốc tế tốt hơn, nhanh hơn.

Nguồn bài đóng vai trò quyết định khả năng duy trì và chất lượng của tạp chí. Nếu chọn đăng bài viết có chất lượng chuyên môn vừa phải, tỷ lệ từ chối bài thấp, về ngắn hạn có thể giúp một tạp chí thu hút được lượng bài phong phú vì sự dễ tính, nhưng về dài hạn, điều đó lại

làm uy tín chuyên môn của tạp chí giảm, khó có thể vươn tới những đỉnh cao về chất lượng. Các tạp chí uy tín, đỉnh cao trong KHXH&NV, ví dụ như American Sociological Review, có tỷ lệ chấp nhận bài cực thấp. Năm 2017, tạp chí nhận được 770 bài, chỉ có 36 bài được chấp nhận đăng không điều kiện, 40 bài được chấp nhận đăng có điều kiện và 73 bài đề nghị sửa chữa và nộp lại, có nghĩa là, đại đa số bài nộp bị từ chối [3]. Năm 2016, các tạp chí kinh tế như Economic Development and Cultural Change có tỷ lệ chấp nhận bài 5,7%, tạp chí Journal of Development Economics có tỷ lệ chấp nhận bài 6%... [4]. Song lượng bài nộp hàng năm của các tạp chí này gần như không đổi, và nhà khoa học có bài đăng trên những tạp chí này là một minh chứng năng lực chuyên môn cho vị trí việc làm của nhiều trường đại học và viện nghiên cứu trên toàn thế giới. Như vậy, sự “khó tính” của tạp chí chính là một thước đo uy tín và chất lượng lâu bền.

Ngoài ra, cần xây dựng các chính sách khuyến khích, động viên xuất bản quốc tế của nhà khoa học, như cộng điểm trong nghiệm thu đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, nâng lương, thưởng, ưu tiên giao đề tài đối với các cán bộ thường xuyên có những công bố quốc tế có chất lượng cao, nhằm tạo ra những động lực cho công bố quốc tế.

Ở nhiều quốc gia, xuất bản trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín là một điều kiện quan trọng để bảo vệ vị trí việc làm ở các trường đại học hay viện nghiên cứu. Việt Nam nên có lộ trình xây dựng tiêu chuẩn công bố quốc tế (cùng với các tiêu chuẩn chuyên môn khác) theo vị trí việc làm và đánh giá phân loại, bổ nhiệm công chức, viên chức nhằm tiệm cận với tiêu chuẩn nhà khoa học mà nhiều cơ sở khoa học trên

thế giới đang áp dụng.

Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho khoa học từ bậc đào tạo đại học về các phương pháp nghiên cứu và bài viết khoa học chuẩn mực về cả nội dung và hình thức để tạo nền tảng lâu dài về chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời đảm bảo môi trường học thuật dân chủ, minh bạch cho các nhà nghiên cứu và các tạp chí chuyên ngành.

Điều cần trao đổi thêm là, trong lĩnh vực KHXH&NV nên xây dựng danh mục các tạp chí, nhà xuất bản uy tín theo đánh giá độc lập của chúng ta, không nên phụ thuộc vào danh mục xếp hạng của nước ngoài vốn ít nhiều có sự thiên lệch theo quốc gia và tổ chức xếp hạng. Thực tiễn cho thấy một số tạp chí, một số quốc gia có trình độ khoa học phát triển cao nhưng không nằm trong danh mục ISI hay Scopus.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] <https://dantri.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/so-luong-cong-bo-khoa-hoc-quoc-te-cua-viet-nam-vuot-nguong-3000-bai-nam-20160809111445138.htm>.
- [2] <https://vnexpress.net/khoa-hoc/cong-bo-quoc-te-cua-viet-nam-chi-bang-1-3-thai-lan-3632184.html>.
- [3] <http://www.asanet.org/research-and-publications/journal-resources/annual-editors-reports#ASR>.
- [4] <https://blogs.worldbank.org/impactevaluation/state-development-journals-2017-quality-acceptance-rates-and-review-times>.